

THỰC HIỆN QUYỀN KHAI SINH, KHAI TỬ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

NGUYỄN THÀNH HƯNG

Phòng tiếp dân Ủy ban nhân dân Xã Thiên Lộc, TP. Hà Nội

Nhận bài ngày 09/5/2026. Sửa chữa xong 19/6/2026. Duyệt đăng 23/6/2026.

Abstract

This article examines the implementation of the rights to birth registration and death registration under Vietnamese civil law in the context of digital transformation. By clarifying the legal nature and role of these rights, the study focuses on evaluating current practices through two main aspects: the shift from traditional to electronic administrative procedures and the introduction of interconnected administrative processes. The findings indicate that digital transformation has significantly improved administrative efficiency and population management. However, several challenges remain, including data inconsistency, technical system dependency, procedural complexity, and risks related to personal data protection. Based on these findings, the article proposes legal reforms aimed at standardizing civil registration data, enhancing inter-agency data integration, simplifying administrative procedures, and ensuring data security in the digital environment.

Keywords: Birth registration, civil registration system, death registration, digital transformation, e-government services.

1. Đặt vấn đề

Quyền được khai sinh và khai tử là những quyền nhân thân cơ bản của cá nhân, được ghi nhận trong pháp luật dân sự Việt Nam, có ý nghĩa xác lập và chấm dứt tư cách pháp lý của mỗi con người. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh điện tử (VNeID) và dịch vụ công trực tuyến đã làm thay đổi đáng kể phương thức thực hiện các quyền này, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn tồn tại nhiều bất cập như quy định pháp luật chưa theo kịp yêu cầu số hóa, dữ liệu chưa đồng bộ, thủ tục còn phức tạp và phát sinh rủi ro về bảo mật thông tin cá nhân. Mặc dù đã có một số nghiên cứu liên quan, song chưa phân tích toàn diện dưới góc độ chuyển đổi số. Vì vậy, bài viết tập trung làm rõ thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò và bản chất pháp lý của quyền khai sinh, khai tử

Quyền khai sinh và quyền khai tử là những quyền nhân thân cơ bản của cá nhân, được ghi nhận trong pháp luật dân sự Việt Nam như những quyền gắn liền với sự tồn tại pháp lý của con người từ khi sinh ra đến khi chết. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh và khi chết phải được khai tử, qua đó xác lập và chấm dứt tư cách chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự¹. Dưới góc độ khoa học pháp lý, có khẳng định cho rằng việc đăng ký khai sinh là cơ sở để ghi nhận chính thức sự ra đời của một chủ thể pháp luật, đồng thời là điều kiện để cá nhân tham gia các quan hệ pháp luật một cách đầy đủ (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021, tr. 112-115).

Về bản chất pháp lý, quyền khai sinh và khai tử thuộc nhóm quyền nhân thân không gắn với tài

1) Điều 30 Bộ luật Dân sự năm 2015

Email: thanhhung020704@gmail.com.

sản, mang tính tuyệt đối và không thể chuyển giao. Một quan điểm khoa học pháp lý nhìn nhận một cách tương đối hợp lý rằng, quyền nhân thân là những quyền “gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho chủ thể khác và được pháp luật bảo vệ vô điều kiện”, qua đó thể hiện rõ tính đặc thù của các quyền này (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 85]. Chính vì vậy, việc thực hiện quyền khai sinh, khai tử không chỉ là quyền mà còn mang tính nghĩa vụ pháp lý bắt buộc, thể hiện thông qua quy định về trách nhiệm đăng ký hộ tịch trong Luật Hộ tịch². Nghiên cứu khác cũng nhấn mạnh rằng quyền nhân thân, đặc biệt trong lĩnh vực hộ tịch, luôn gắn với “cơ chế bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước”, thể hiện sự can thiệp cần thiết của Nhà nước nhằm bảo đảm trật tự pháp lý (Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 2016).

Xét về vai trò, quyền khai sinh có ý nghĩa đặc biệt trong việc xác lập tư cách pháp lý của cá nhân. Thông qua việc đăng ký khai sinh, cá nhân được Nhà nước công nhận các thông tin nhân thân cơ bản, từ đó trở thành chủ thể của các quyền và nghĩa vụ pháp lý³. Theo Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em năm 1989, quyền được đăng ký khai sinh là quyền cơ bản của mọi trẻ em, bảo đảm cho việc xác lập danh tính và tiếp cận các quyền khác như giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội⁴. Thực tế cũng chỉ ra rằng việc đăng ký khai sinh không chỉ có ý nghĩa pháp lý mà còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc trong việc bảo đảm quyền con người và quản lý dân cư (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021, tr. 115).

Ở chiều ngược lại, quyền khai tử giữ vai trò xác nhận sự chấm dứt tư cách pháp lý của cá nhân, từ đó làm phát sinh các hệ quả pháp lý như mở thừa kế và chấm dứt các quan hệ nhân thân⁵. Theo quan điểm của Đỗ Văn Đại (2019), sự kiện chết của cá nhân là “một sự kiện pháp lý làm phát sinh hàng loạt hậu quả pháp lý trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là trong quan hệ thừa kế”, qua đó cho thấy ý nghĩa pháp lý tổng hợp của việc khai tử (Đỗ Văn Đại, 2019, tr. 23). Việc không thực hiện đầy đủ đăng ký khai tử có thể dẫn đến những hệ quả tiêu cực như sai lệch dữ liệu dân cư và phát sinh các giao dịch dân sự không hợp pháp.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, bản chất pháp lý của quyền khai sinh và khai tử tiếp tục có sự thay đổi khi các quyền này được tích hợp vào hệ thống dữ liệu điện tử. Nghị định của Chính phủ số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến đã xác lập nền tảng pháp lý cho việc số hóa thông tin hộ tịch, trong khi Luật Căn cước năm 2023 đặt nền móng cho việc định danh cá nhân trong môi trường số⁶. Thực tế, việc xây dựng hệ thống định danh số đã làm cho thông tin hộ tịch trở thành “nền tảng cốt lõi của hệ thống nhận diện cá nhân trong quản trị hiện đại”, qua đó khẳng định vai trò trung tâm của dữ liệu khai sinh, khai tử trong hệ thống quản lý nhà nước (World Bank, 2019, tr. 18-20).

Từ những phân tích trên có thể thấy, quyền khai sinh và khai tử vừa mang bản chất là quyền nhân thân cơ bản của cá nhân, vừa là công cụ pháp lý phục vụ quản lý nhà nước về dân cư. Sự kết hợp này làm cho việc thực hiện các quyền này mang tính đặc thù, đồng thời đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số nhằm bảo đảm cân bằng giữa hiệu quả quản lý và bảo vệ quyền con người.

2.2. Thực trạng thực hiện quyền khai sinh, khai tử trong bối cảnh chuyển đổi số

2.2.1. Sự thay đổi phương thức thực hiện quyền

Trong bối cảnh chuyển đổi số, phương thức thực hiện quyền khai sinh, khai tử ở Việt Nam đã có sự thay đổi căn bản từ mô hình thủ công, trực tiếp sang mô hình điện tử, dựa trên nền tảng dữ liệu số và hệ thống thông tin liên thông. Nếu như trước đây, việc đăng ký khai sinh, khai tử chủ yếu được thực hiện trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã, với hồ sơ giấy và quy trình xử lý thủ công, thì hiện nay các thủ tục này đã từng bước được thực hiện thông qua môi trường điện tử, với sự hỗ trợ của các hệ thống dịch vụ công trực tuyến và cơ sở dữ liệu quốc gia (Lê Hoài Thu, 2025, tr. 45-50).

Sự thay đổi này trước hết được thể hiện ở việc pháp luật đã chính thức ghi nhận và thiết lập cơ chế

2) Luật Hộ tịch, 2014, Điều 6

3) Luật Hộ tịch, 2014, Điều 14 khoản 1, 3

4) Công ước về quyền trẻ em, 1989, Điều 7 khoản 1

5) Bộ luật Dân sự, 2015, Điều 30 khoản 2

6) Luật Căn cước, 2023, Điều 3 khoản 13, 14, 16, 17, 18.

thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Nghị định của Chính phủ số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định rõ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông qua phương thức điện tử, trong đó cho phép người dân nộp hồ sơ, theo dõi và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Cổng dịch vụ công⁷. Trên cơ sở đó, các thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử đã được tích hợp vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền của mình một cách thuận tiện hơn mà không phụ thuộc hoàn toàn vào việc tiếp xúc trực tiếp với cơ quan hành chính.

Bên cạnh đó, sự thay đổi phương thức thực hiện quyền còn gắn liền với việc xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Nghị định số 87/2020/NĐ-CP đã xác lập cơ sở pháp lý cho việc số hóa thông tin hộ tịch, cho phép lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu hộ tịch dưới dạng điện tử⁸. Điều này tạo điều kiện để các thông tin liên quan đến khai sinh, khai tử không chỉ được ghi nhận trên giấy tờ mà còn được tích hợp vào hệ thống dữ liệu thống nhất, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và giảm thiểu sai sót trong quá trình xử lý thông tin. Theo Ngân hàng Thế giới, việc xây dựng hệ thống dữ liệu định danh và hộ tịch điện tử là yếu tố cốt lõi trong quản trị hiện đại, giúp tăng tính chính xác, minh bạch và khả năng truy xuất dữ liệu (World Bank (2019, tr. 20]).

Một điểm đáng chú ý khác là việc áp dụng định danh điện tử trong thực hiện các thủ tục hộ tịch. Luật Căn cước năm 2023 đã ghi nhận các khái niệm về danh tính điện tử, căn cước điện tử, ứng dụng định danh quốc gia và hệ thống định danh, xác thực điện tử⁹, qua đó tạo cơ sở pháp lý cho việc xác thực thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Nhờ đó, người dân có thể sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện đăng ký khai sinh, khai tử trực tuyến, giảm bớt yêu cầu về giấy tờ chứng minh và tăng tính chính xác của thông tin. Dưới góc độ học thuật, quá trình này được xem là sự chuyển đổi từ “quản lý hành chính dựa trên hồ sơ giấy” sang “quản lý dựa trên dữ liệu số và định danh điện tử”, qua đó làm thay đổi căn bản cách thức Nhà nước ghi nhận và quản lý quyền nhân thân của cá nhân (World Bank, 2019, tr. 20).

Thực tiễn triển khai cho thấy phương thức thực hiện quyền khai sinh, khai tử theo hướng điện tử hóa đã mang lại nhiều lợi ích rõ rệt. Người dân có thể nộp hồ sơ trực tuyến, giảm thời gian đi lại và chi phí thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời có thể theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ một cách minh bạch. Kết quả khảo sát thực tiễn tại Hà Nội cũng cho thấy tỷ lệ hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực này đạt mức cao, phản ánh hiệu quả tích cực của quá trình chuyển đổi số. Điều này phù hợp với nhận định trong các nghiên cứu về cải cách hành chính rằng việc ứng dụng công nghệ thông tin có thể góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và tăng cường niềm tin của người dân đối với cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, sự thay đổi phương thức thực hiện quyền cũng đặt ra những yêu cầu mới về hoàn thiện pháp luật và bảo đảm điều kiện kỹ thuật. Khi các quyền nhân thân được “số hóa”, việc phụ thuộc vào hệ thống công nghệ thông tin và dữ liệu điện tử có thể làm phát sinh các rủi ro liên quan đến sai lệch dữ liệu, gián đoạn hệ thống hoặc lộ lọt thông tin cá nhân. Theo một số nghiên cứu, việc chuyển đổi sang mô hình quản lý dựa trên dữ liệu đòi hỏi phải có cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và kiểm soát truy cập thông tin chặt chẽ hơn nhằm bảo đảm quyền riêng tư của cá nhân trong môi trường số (World Bank, 2019, tr. 35).

Từ những phân tích trên có thể thấy, sự thay đổi phương thức thực hiện quyền khai sinh, khai tử trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ là sự thay đổi về kỹ thuật mà còn là sự chuyển dịch về mô hình quản lý nhà nước, từ thủ công sang số hóa và từ phân tán sang tích hợp dữ liệu. Sự chuyển đổi này vừa tạo ra cơ hội nâng cao hiệu quả thực hiện quyền, vừa đặt ra những thách thức mới cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện trong thời gian tới.

7) Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Điều 4 khoản 1, 2, 4, 5; Điều 5 khoản 1 điểm b, e; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 11.

8) Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Điều 8 về khai thác, sử dụng CSDL hộ tịch điện tử; Điều 10 về kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư; Điều 11 về quy trình kết nối, chia sẻ khi đăng ký khai sinh/cập nhật thông tin)

9) Luật Căn cước công dân năm 2023, Điều 3 các khoản 13, 14, 16, 17 và 18

2.2.2. Liên thông thủ tục hành chính.

Một trong những biểu hiện rõ nét của sự thay đổi trong phương thức thực hiện quyền khai sinh, khai tử trong bối cảnh chuyển đổi số là việc triển khai cơ chế liên thông thủ tục hành chính giữa các cơ quan nhà nước. Nếu như trước đây, các thủ tục như đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế hay giải quyết chế độ tử tuất được thực hiện riêng lẻ, thì pháp luật hiện hành đã thiết lập cơ chế giải quyết theo hướng tích hợp và liên thông.

Về phương diện pháp lý, Nghị định số 63/2024/NĐ-CP¹⁰ đã quy định cụ thể việc thực hiện liên thông điện tử đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, trong đó đáng chú ý là liên thông thủ tục đăng ký khai sinh với đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, cũng như liên thông thủ tục đăng ký khai tử với xóa đăng ký thường trú và giải quyết các chế độ liên quan¹¹. Quy định này thể hiện sự chuyển dịch từ mô hình giải quyết thủ tục hành chính đơn lẻ sang mô hình “một cửa liên thông” trên nền tảng điện tử, qua đó giảm thiểu số lần người dân phải thực hiện các thủ tục riêng biệt.

Bên cạnh đó, cơ chế liên thông này được hỗ trợ bởi hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đặc biệt là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, dữ liệu hộ tịch được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác của Nhà nước nhằm phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính một cách tự động và chính xác¹². Điều này cho phép thông tin về khai sinh hoặc khai tử sau khi được đăng ký sẽ được sử dụng ngay cho các thủ tục liên quan mà không cần người dân phải cung cấp lại nhiều lần.

Từ góc độ pháp lý, việc thiết lập cơ chế liên thông thủ tục hành chính trong lĩnh vực khai sinh, khai tử không chỉ nhằm đơn giản hóa thủ tục mà còn góp phần bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân được thực hiện một cách đầy đủ và kịp thời. Đồng thời, cơ chế này cũng thể hiện xu hướng hiện đại hóa quản lý hành chính nhà nước theo hướng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và lấy người dân làm trung tâm trong cung cấp dịch vụ công.

2.2.3. Đánh giá chung về thực trạng thực hiện quyền khai sinh, khai tử trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ những phân tích về sự thay đổi phương thức thực hiện và cơ chế liên thông thủ tục hành chính, có thể nhận thấy việc thực hiện quyền khai sinh, khai tử trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực nhất định, có thể kể đến như:

Một là, việc triển khai dịch vụ công trực tuyến và cơ chế liên thông đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian xử lý hồ sơ được rút ngắn, chi phí thực hiện thủ tục giảm, đồng thời hạn chế việc người dân phải thực hiện nhiều thủ tục riêng lẻ. Nhờ đó, quá trình thực hiện quyền khai sinh, khai tử trở nên thuận tiện và minh bạch hơn, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính hiện nay.

Hai là, việc kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia đã góp phần tăng cường tính chính xác và thống nhất của thông tin quản lý dân cư. Dữ liệu hộ tịch được cập nhật đồng bộ, hạn chế sai lệch và tạo cơ sở cho việc quản lý dân cư hiệu quả hơn, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng chính phủ số và quản trị xã hội hiện đại.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng thực hiện quyền khai sinh, khai tử trong bối cảnh chuyển đổi số vẫn bộc lộ một số hạn chế đáng chú ý.

Một là, việc điện tử hóa phương thức thực hiện quyền chưa đồng nghĩa với việc toàn bộ quy trình đã vận hành ổn định và thống nhất. Mặc dù người dân có thể nộp hồ sơ trực tuyến, sử dụng tài khoản VNeID và khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhưng trên thực tế, quá trình đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống “một cửa”, phần mềm hộ tịch và các cơ sở dữ liệu liên quan vẫn có lúc phát sinh lỗi, thiếu trường thông tin hoặc không cập nhật đầy đủ. Điều này cho thấy sự thay đổi phương thức thực hiện quyền từ

10) Nghị định số 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

11) Nghị định số 63/2024/NĐ-CP, Điều 1 quy định phạm vi 02 nhóm thủ tục liên thông; Điều 5 hồ sơ liên thông khai sinh; nên tra tiếp Điều 6–8 cho quy trình khai sinh và Điều 10–13 cho khai tử/mai táng phí/tử tuất khi sửa sâu phần thủ tục).

12) Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Điều 10 khoản 1, 2, 4 và Điều 11 khoản 1, 2, 3

trực tiếp sang điện tử mới chủ yếu giải quyết được hình thức tiếp cận thủ tục, trong khi chất lượng vận hành của hạ tầng dữ liệu vẫn là điều kiện quyết định hiệu quả thực chất của quyền khai sinh, khai tử.

Hai là, cơ chế liên thông thủ tục hành chính tuy giúp giảm số lần người dân phải thực hiện các thủ tục riêng lẻ, nhưng cũng làm phát sinh sự phụ thuộc lớn hơn giữa các cơ quan và hệ thống dữ liệu. Đối với khai sinh liên thông, kết quả đăng ký khai sinh là đầu vào để thực hiện đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đối với khai tử liên thông, trích lục khai tử là cơ sở để xóa đăng ký thường trú và giải quyết mai táng phí, tử tuất. Vì vậy, nếu một khâu trong chuỗi liên thông chậm, sai hoặc thiếu dữ liệu thì toàn bộ quá trình thực hiện quyền và các quyền lợi liên quan của cá nhân, gia đình có thể bị ảnh hưởng. Đây là hạn chế mang tính hệ thống của mô hình liên thông điện tử, khác với mô hình thủ tục đơn lẻ trước đây.

Ba là, một số thủ tục đặc thù trong lĩnh vực khai sinh, khai tử chưa được đơn giản hóa tương ứng với mức độ điện tử hóa. Chẳng hạn, các trường hợp khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con; khai sinh có yếu tố nước ngoài; xác định thông tin cha, mẹ; hoặc khai tử trong trường hợp thiếu giấy báo tử thống nhất vẫn đòi hỏi việc kiểm tra, xác minh hồ sơ khá phức tạp. Điều này cho thấy chuyển đổi số mới hỗ trợ về phương thức nộp, tiếp nhận và luân chuyển hồ sơ, nhưng chưa giải quyết triệt để các vướng mắc pháp lý nằm trong nội dung thủ tục.

Bốn là, việc số hóa và liên thông dữ liệu hộ tịch làm gia tăng yêu cầu bảo vệ thông tin cá nhân. Khai sinh, khai tử đều gắn với các dữ liệu nhân thân quan trọng như họ tên, ngày sinh, quan hệ cha mẹ con, nơi cư trú, tình trạng sống chết và các thông tin liên quan đến quyền lợi tài sản, bảo hiểm, thừa kế. Khi các dữ liệu này được chia sẻ giữa nhiều cơ quan trong quy trình liên thông, nguy cơ sai lệch, lộ lọt hoặc sử dụng không đúng mục đích cũng tăng lên. Do đó, hạn chế không chỉ nằm ở kỹ thuật vận hành hệ thống mà còn ở yêu cầu hoàn thiện cơ chế pháp lý về kiểm soát truy cập, bảo mật và trách nhiệm xử lý dữ liệu hộ tịch trong môi trường số.

Như vậy, các hạn chế nêu trên không phủ nhận giá trị của chuyển đổi số, mà cho thấy quá trình này đang đặt ra yêu cầu mới: không chỉ điện tử hóa thủ tục, mà phải bảo đảm dữ liệu đúng, hệ thống liên thông ổn định, thủ tục đặc thù được đơn giản hóa và thông tin nhân thân được bảo vệ an toàn.

2.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền khai sinh, khai tử

Từ những hạn chế nêu trên, việc hoàn thiện pháp luật về thực hiện quyền khai sinh, khai tử cần được đặt trong tổng thể yêu cầu chuyển đổi số và hiện đại hóa quản lý nhà nước, theo hướng đồng bộ giữa quy định pháp lý và điều kiện kỹ thuật.

2.3.1. Bổ sung quy định về chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng dữ liệu hộ tịch điện tử

Pháp luật cần quy định thống nhất danh mục các trường thông tin bắt buộc trong dữ liệu khai sinh, khai tử (như nơi sinh, quê quán, lịch sử cư trú...), đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra tự động và đối soát dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bên cạnh đó, cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc cập nhật, hiệu chỉnh và xác nhận dữ liệu để hạn chế tình trạng thiếu hoặc sai lệch thông tin trong quá trình liên thông.

2.3.2. Hoàn thiện cơ chế liên thông thủ tục hành chính theo hướng “liên thông có trách nhiệm”

Theo đó, cần quy định cụ thể trong các văn bản dưới luật (như nghị định hoặc thông tư hướng dẫn) về: (i) thứ tự xử lý các bước trong quy trình liên thông (ví dụ: khai sinh là điều kiện tiên quyết để kích hoạt các thủ tục cư trú và bảo hiểm); (ii) thời hạn xử lý của từng cơ quan trong chuỗi liên thông; (iii) cơ chế phản hồi và xử lý khi một khâu bị lỗi hoặc chậm trễ. Đồng thời, cần bổ sung quy định về việc tạm thời “tách thủ tục” trong trường hợp hệ thống liên thông gặp sự cố, nhằm bảo đảm quyền của người dân không bị đình trệ do lỗi kỹ thuật.

2.3.3. Sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch theo hướng phân loại và đơn giản hóa đối với các trường hợp đặc thù

Cụ thể, cần xây dựng cơ chế thủ tục rút gọn đối với các trường hợp khai sinh đơn giản (không tranh

chấp, đủ giấy tờ), đồng thời ban hành quy trình riêng đối với các trường hợp phức tạp như xác định cha, mẹ, con hoặc khai tử không có giấy báo tử thống nhất. Đối với các trường hợp này, pháp luật cần cho phép sử dụng linh hoạt các nguồn chứng cứ (như dữ liệu điện tử, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào giấy tờ truyền thống.

2.3.4. Hoàn thiện quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực hộ tịch theo hướng cụ thể và khả thi hơn

Cụ thể, cần quy định rõ: (i) danh mục dữ liệu hộ tịch được phép chia sẻ giữa các cơ quan trong quy trình liên thông; (ii) cơ chế phân quyền truy cập dữ liệu theo từng cấp độ; (iii) nghĩa vụ ghi nhận và lưu vết việc khai thác dữ liệu; và (iv) trách nhiệm bồi thường, xử lý vi phạm khi xảy ra lộ lọt hoặc sử dụng trái phép thông tin. Đồng thời, cần hạn chế việc thể hiện thông tin nhạy cảm (như tình trạng hôn nhân, thông tin cha mẹ trong một số trường hợp đặc biệt) trên các giấy tờ hộ tịch được cấp cho cá nhân.

2.3.5. Tăng cường quy định về bảo đảm điều kiện thực thi pháp luật trong môi trường số

Theo đó, pháp luật cần gắn trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, đào tạo công chức và hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, cần bổ sung cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu thực tế (như tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, số lượng lỗi hệ thống, mức độ hài lòng của người dân), qua đó nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện quyền khai sinh, khai tử.

3. Kết luận

Quyền khai sinh và khai tử là những quyền nhân thân cơ bản, giữ vai trò nền tảng trong việc xác lập và chấm dứt tư cách pháp lý của cá nhân, đồng thời là công cụ quan trọng phục vụ quản lý nhà nước về dân cư. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phương thức thực hiện các quyền này đã có sự chuyển biến rõ rệt từ mô hình thủ công sang điện tử và từ giải quyết thủ tục đơn lẻ sang liên thông, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và chất lượng cung cấp dịch vụ công. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy nhiều hạn chế như thiếu đồng bộ dữ liệu, phụ thuộc hệ thống kỹ thuật, thủ tục chưa được đơn giản hóa tương ứng và những rủi ro về bảo mật thông tin cá nhân. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, cụ thể và gắn với điều kiện thực thi, bảo đảm vừa phát huy hiệu quả của chuyển đổi số, vừa bảo vệ quyền nhân thân của cá nhân một cách đầy đủ và an toàn trong môi trường số.

Tài liệu tham khảo

Trường Đại học Luật Hà Nội (2021). *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam* (tập 1). NXB Công an nhân dân.

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*. NXB Hồng Đức.

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (2016). *Giáo trình Luật Dân sự* (tập 1). NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Đỗ Văn Đại (2019). *Luật Thừa kế Việt Nam – Bản án và bình luận bản án*. NXB Hồng Đức.

United Nations (1989). *Convention on the Rights of the Child*.

World Bank (2019). *Digital Identity: Towards Inclusive Development*.

Lê Hoài Thu (2025). *Quyền được khai sinh, khai tử theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam*. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội.